

Số: *887*/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *02* tháng *5* năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành quy định mức giá dịch vụ thẩm định giá
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá số 40/2002/PL-UBTVQH ngày 26/4/2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 10;

Căn cứ Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03/8/2005 của Chính phủ về thẩm định giá; Thông tư số 17/2006/TT-BTC ngày 13/3/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03/8/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 33/2009/QĐ-UB ngày 20/11/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 15781/BTC-QLG ngày 21/11/2011 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về giá dịch vụ thẩm định;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 594/STC-TTr ngày 23/4/2012, về việc ban hành quy định mức giá dịch vụ thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành biểu mức tối đa giá dịch vụ thẩm định giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) cho mọi tổ chức, cá nhân có thuê dịch vụ thẩm định giá, cung cấp thông tin giá, tư vấn thị trường giá cả đối với các cơ quan nhà nước bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước khi mua hoặc bán tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Mức giá dịch vụ thẩm định giá cho mỗi hợp đồng tối đa không quá 0,25% giá trị tài sản thẩm định cụ thể như sau:

| TT | Giá trị hợp đồng (Triệu đồng) | Tỷ lệ (%) tối đa | Mức giá tối đa (Đồng) |
|----|----------------------------------|------------------|--------------------------|
| 1 | Từ trên 100 đến 500 | 0,25 | 1 200 000 |
| 2 | Từ trên 500 đến 1 000 | 0,24 | 2 400 000 |
| 3 | Từ trên 1 000 đến 2 000 | 0,22 | 4 000 000 |
| 4 | Từ trên 2 000 đến 5 000 | 0,20 | 9 000 000 |
| 5 | Từ trên 5 000 đến 10 000 | 0,18 | 15 000 000 |
| 6 | Từ trên 10 000 đến 20 000 | 0,15 | 24 000 000 |
| 7 | Từ trên 20 000 đến 30 000 | 0,12 | 30 000 000 |
| 8 | Từ trên 30 000 đến 50 000 | 0,10 | 40 000 000 |
| 9 | Từ trên 50 000 đến 100 000 | 0,08 | 60 000 000 |
| 10 | Từ trên 100 000 đến 200 000 | 0,06 | 100 000 000 |
| 11 | Từ trên 200 000 đến 500 000 | 0,05 | 150 000 000 |
| 12 | Từ trên 500 000 đến 1 000 000 | 0,03 | 250 000 000 |
| 13 | Trên 1 000 000 | | Không quá 300 triệu |

Điều 2. Các cơ quan nhà nước khi mua, bán hàng hoá dịch vụ theo quy định phải thuê dịch vụ thẩm định giá được phép thoả thuận với doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá nhưng tối đa không quá mức giá dịch vụ quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Trường hợp mức thẩm định giá trị quyền sử dụng đất hoặc mua sắm tài sản có giá trị trên 100 triệu đồng trở lên các cơ quan nhà nước khi thuê thẩm định giá, tổ chức đấu thầu dịch vụ thẩm định giá hoặc xét thầu trên cơ sở hồ sơ của các công ty có chức năng thẩm định giá, trong trường hợp đặc biệt (tùy theo

tính chất phức tạp của công việc thẩm định) Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định cụ thể.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Thái nguyên, thị xã Sông Công, Giám đốc các doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
 - Cục Quản lý giá;
 - Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - TT thông tin, Báo Thái Nguyên;
 - Như Điều 3 (Thực hiện);
 - Lưu: VT, KTTH.hai.
- (haiph/T4/12/70b) ✓

CHỦ TỊCH



Đương Ngọc Long